

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-ST.

Ngày: 16-12-2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Lệ Hồng.

+ Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 231/2021/QĐST-DS ngày 06/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1952; Nơi cư trú: khu phố 3, thị trấn L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông T và ông P có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Bùi Văn T trình bày:

Vào năm 2019 ông được được bạn bè giới thiệu nên ông tìm đến nhà ông P để nhờ ông P làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đối với bà Bùi Thị Kim A, sinh năm 1964; Nơi cư trú: khu phố 3, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ ông để lại. Sau khi hai

bên thống nhất thỏa thuận xong thì ngày 22/7/2019 ông và ông P đã ký Hợp đồng ủy quyền tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với nội dung như sau:

“ - Ông Nguyễn Văn P được thay mặt tôi nộp đơn khởi kiện, nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách và trọn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo pháp luật giữa tôi với bị đơn Bùi Thị Kim A, sinh năm 1964; Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Ý kiến quyết định của ông Nguyễn Văn P tại Tòa án cũng là ý kiến và quyết định của tôi.

- Lý do ủy quyền: bận công việc làm ăn.

- Thời hạn ủy quyền: kể từ khi ủy quyền cho đến khi vụ kiện được Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.”

Sau khi ký hợp đồng ủy quyền xong thì ông P làm hồ sơ khởi kiện cho ông và ông P kêu ông cầm tất cả các hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách để nộp và ông đã đến Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách để nộp đơn 03 lần (có 01 lần ông gửi qua đường bưu điện), khi nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách ông không nhớ ngày tháng năm nộp đơn, cũng không nhớ tài liệu chứng cứ ông đã nộp cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách. Sau khi nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thì Tòa án có ra thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và Tòa án đã tổng đạt các thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện cho ông, sau khi ông nhận thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ông có gặp ông P để yêu cầu ông P sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án nhưng ông P không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách nên Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông cùng các hồ sơ, tài liệu kèm theo đơn cho ông nhưng ông không đồng ý nhận lại hồ sơ khởi kiện.

Sau đó, ông có gửi đơn khiếu nại đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhưng nội dung đơn khiếu nại này là do ông P viết, ông ký tên nhưng ông không có đọc lại nội dung đơn nên ông không biết được trong đơn ông P đã viết những gì. Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông và ông Nguyễn Văn P đồng thời yêu cầu ông P trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và buộc ông hoàn trả 10.000.000 đồng tạm ứng là tiền công do ông T thuê ông đại diện theo ủy quyền trong vụ án tranh chấp thừa kế giữa ông T với bị đơn bà Bùi Thị Kim A, sinh năm: 1964, địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông không đồng ý vì theo lời trình bày của ông T thì toàn bộ hồ sơ mà ông và ông T đã nộp ở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đều do ông làm. Khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách ra Thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và ông đã bổ sung hồ sơ khởi kiện cho ông T theo nội dung đã thông báo. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách vẫn trả lại đơn khởi kiện cho ông T cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn. Ông nhận thấy việc Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách trả đơn khởi

kiện của ông T là không đúng quy định nên ông đã soạn thảo 02 đơn khiếu nại gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách để yêu cầu xem xét lại Thông báo trả đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, nhưng ông T đã đến các cơ quan này rút lại các đơn khiếu nại và giữ lại toàn bộ hồ sơ khởi kiện và không có yêu cầu ông thực hiện các công việc theo ủy quyền. Do đó, ông T là người đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông, nên ông đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền nhưng không đồng ý trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu cho rằng:

Thẩm quyền thụ lý, xác định T cách tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử đúng quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 96, Điều 97, Điều 101, Điều 195, Điều 196, Điều 197 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 562, 563, 565, 566, 567, 568 và 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 22/7/2019 giữa ông Bùi Văn T và ông Nguyễn Văn P.
- Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông P trả lại 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 của ông Bùi Văn T đối với ông Nguyễn Văn P thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”. Xác định ông Bùi Văn T là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn P là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Hội đồng xét xử thấy rằng giấy ủy quyền đề ngày 22/7/2019 đã tuân thủ đúng quy định về hình thức theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,

chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Điều 562 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về nội dung của giấy ủy quyền. Do đó, giấy ủy quyền đã được ông T ký tại UBND thị trấn Mỏ Cày là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hủy giấy ủy quyền ngày 22/7/2019 nên Tòa ghi nhận.

2.2 Xét về yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông P trả lại số tiền 10.000.000 đồng:

Theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn, bị đơn đã giao nộp cho Tòa án, các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù, nội dung trong giấy ủy quyền không có thỏa thuận về thù lao của việc ủy quyền nhưng ông T và ông P có thỏa thuận thù lao ủy quyền là 10% trên tổng số tài sản tranh chấp, số tiền 10.000.000 đồng là tiền tạm ứng chi phí thù lao để ông P thực hiện công việc theo ủy quyền như soạn thảo đơn khởi kiện, cùng các tài liệu chứng cứ nộp kèm theo đơn khởi kiện, liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để hoàn chỉnh hồ sơ khởi kiện cũng như các đơn khiếu nại về thông báo trả lại đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ông T cho rằng ông P không thực hiện theo Thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện của Tòa án nên Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện và hồ sơ cho ông, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc trả lại đơn khởi kiện là thẩm quyền của Tòa án, đương sự có quyền khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện và ông P cũng đã soạn thảo cho ông T các đơn khiếu nại gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách nhưng sau đó ông T đã tự nguyện rút các đơn khiếu nại này và đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền đối với ông P nhưng không chứng minh được ông P không thực hiện hoặc từ chối thực hiện công việc theo ủy quyền nên việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền của ông T đã vi phạm quy định Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền của ông T được Tòa án chấp nhận.

Ông Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 500.000 đồng đối với số tiền 10.000.000 đồng do yêu cầu của ông không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 562, Điều 563, Điều 565, Điều 566, Điều 567, Điều 568 và Điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể tuyên:

1. Hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông Bùi Văn T và ông Nguyễn Văn P (cụ thể, hủy giấy ủy quyền đề ngày 22/7/2019 mà ông Bùi Văn T đã ký tại UBND thị trấn Mỏ Cày).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ nộp là 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.000 đồng ông Bùi Văn T được miễn.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm

